

UBND TỈNH THANH HOÁ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THỦY LỢI BẮC SÔNG MÃ
Số: 582/BSM-KH&QLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 20 tháng 6 năm 2024

V/v đánh giá kết quả sử dụng điện năng vụ
Chiêm xuân từ tháng 12/2023 đến hết ngày
31 tháng 5 năm 2024.

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc công ty.

Thực hiện công tác theo dõi và quản lý điện năng, Giám đốc công ty thông báo kết quả sử dụng điện năng vụ Chiêm Xuân từ tháng 12/2023 đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2024 của các đơn vị trong toàn công ty như sau:

Nhìn chung vụ chiêm xuân năm 2024 thời tiết diễn biến tương đối thuận lợi, lượng mưa cao hơn cùng kỳ phân bổ đều các tháng, nhưng không đồng đều tại các chi nhánh. Cụ thể lượng mưa tính từ tháng 12/2023 đến hết tháng 5/2024: Chi nhánh Hoàng Hóa: 271 mm, Thành Phố: 382mm, Hậu Lộc: 177mm, Hà Trung: 148mm, Nga Sơn: 180mm, Bim Sơn: 237mm.

Tổng điện năng tiêu thụ từ tháng 12/2023÷31/5/2024 toàn Công ty bằng 123,6% so với Kế hoạch vụ Chiêm Xuân Công ty dự kiến giao. Trong đó Chi nhánh Bim Sơn vượt 29,5%, Hậu Lộc vượt 30,3%; Hà Trung vượt 36,6%; Nga Sơn vượt 21,3%; Hoàng Hoá+ Hoàng Khánh vượt 18,9%; Thành Phố vượt 32,2%.

Chi nhánh Hoàng Hoá+ Hoàng Khánh sử dụng điện năng K₂ bằng 4,51%, K₃ bằng 36%; Thành Phố K₂ bằng 0,08%, K₃ bằng 76%; Hậu Lộc K₂ bằng 1,04%, K₃ bằng 54%; Hà Trung K₂ bằng 1,17%, K₃ bằng 56%; Nga Sơn K₂ bằng 1,28%, K₃ bằng 37%; Bim Sơn K₂ bằng 2,4%, K₃ bằng 48%;

Chi nhánh Hoàng Hoá+ Hoàng Khánh Sử dụng điện năng K₂ cao nhất công ty bằng 4,51%; thấp nhất là Thành Phố bằng 0,08%.

Chi nhánh Thành Phố Sử dụng điện năng K₃ cao nhất công ty bằng 76%; thấp nhất là Hoàng Hoá+ Hoàng Khánh bằng 36%

(có bảng tổng hợp cụ thể chi tiết kèm theo)

Theo nhận định của Trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Thanh Hóa trong đầu vụ mùa năm 2024 hiện tượng nắng nóng đã xuất hiện có khả năng kéo dài hơn so với trung bình nhiều năm, trước hình thái thời tiết và kết quả sử dụng điện năng như trên. Giám đốc công ty yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc công ty cần tăng cường công tác kiểm tra, rà soát điện tích cần nước sát với thực tế trước khi ra lệnh bơm, thay đổi tư duy trong điều hành tưới, tiêu phù hợp, hiệu quả với điều

kiện cụ thể của từng Chi nhánh tránh tình trạng gây lãng phí điện nước, để tiết kiệm được điện năng trong những tháng tiếp theo đảm bảo không vượt điện năng kế hoạch giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Giám đốc công ty (b/c);
- PGĐ công ty;
- Hội đồng thi đua khen thưởng công ty;
- Công TTĐT công ty;
- Lưu: VT, KH&QLTT.



Nguyễn Ngọc Tuấn

Thanh Hóa, ngày tháng 6 năm 2024
TỔNG HỢP ĐIỆN NĂNG VÀ TIỀN ĐIỆN VỤ CHIÊM XUÂN TOÀN CÔNG TY NĂM 2024
(Tháng 12/2023-31/5/2024)

T	Chi Nhánh	Tổng điện năng (kWh)					Tổng tiền điện (đ)				
		Bơm nước			Tổng	A/S	Tổng	Bơm	A/s	Bù cosf	Tổng
		K1	K2	K3							
1	H. Khánh+H.Hóa	821.580	62.109	493.114	1.376.803	16.845	1.393.648	2.457.987.574	36.876.400	15.760.427	2.510.624.401
*	H. Khánh	492.417	40.222	294.682	827.321	16.845	844.166	1.482.820.073	36.876.400	3.884.437	1.523.580.910
*	Hoàng Hóa	329.163	21.887	198.432	549.482	0	549.482	975.167.501	0	11.875.990	987.043.491
2	Thành Phố	298	1	969	1.268	0	1.268	1.824.868	0	0	1.824.868
3	Hậu Lộc	247.285	5.684	294.074	547.043	1.208	548.251	880.555.439	3.081.754	24.254.932	907.892.125
4	Hà Trung	156.679	4.330	208.254	369.263	2	369.265	587.903.041	3.907	25.924.662	613.831.610
5	Nga Sơn	313.939	6.569	192.265	512.773	0	512.773	882.713.246	0	9.178.409	891.891.655
6	Bim Sơn	22.507	1.093	21.994	45.594	0	45.594	76.008.524	0	2.139.808	78.148.332
7	Toàn Cty	1.562.288	79.786	1.210.670	2.852.744	18.055	2.870.799	4.886.992.692	39.962.061	77.258.238	5.004.212.991

SO VỚI KẾ HOẠCH CTY GIAO VÀ CÙNG KỲ

T	Tên Chi Nhánh	Kế hoạch		Thực hiện		So với Kế hoạch		Cùng kỳ		So với cùng kỳ	
		Điện năng (kWh)	Tiền điện (đ)	Điện năng (kWh)	Tiền điện (đ)	Điện năng (kWh)	Tiền điện (đ)	Điện năng (kWh)	Tiền điện (đ)	Điện năng (kWh)	Tiền điện (đ)
1	H. Khánh+H.Hóa	1.171.679	2.285.945.000	1.393.648	2.510.624.401	221.969 118,9%	224.679.401 109,8%	1.520.756	2.702.836.315	-127.108 91,6%	-192.211.914 92,9%
2	Thành Phố	959	1.871.000	1.268	1.824.868	309 132,2%	-46.132 97,5%	1.882	2.673.914	-614 67,4%	-849.046 68,2%
3	Hậu Lộc	420.906	821.188.000	548.251	907.892.125	127.345 130,3%	86.704.125 110,6%	662.603	1.062.762.574	-114.352 82,7%	-154.870.449 85,4%
4	Hà Trung	270.284	527.323.000	369.265	613.831.610	98.981 136,6%	86.508.610 116,4%	365.912	590.403.413	3.353 100,9%	23.428.197 104,0%
5	Nga Sơn	422.760	824.805.000	512.773	891.891.655	90.013 121,3%	67.086.655 108,1%	476.383	789.341.939	36.390 107,6%	102.549.716 113,0%
6	Bim Sơn	35.214	68.703.000	45.594	78.148.332	10.380 129,5%	9.445.332 113,7%	52.049	82.386.319	-6.455 87,6%	-4.237.987 94,9%
7	Toàn Cty	2.321.802	4.529.835.000	2.870.799	5.004.212.991	548.997 123,6%	474.377.991 110,5%	3.079.585	5.230.404.474	-208.786 93,2%	-226.191.483 95,7%

